

Tư tưởng biện chứng trong triết học Đạo gia thời kỳ Tiên Tần

Võ Văn Dũng¹

¹ Trường Đại học Khánh Hòa.
Email: vovandungcdk@gmail.com

Nhận ngày 15 tháng 2 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 4 năm 2020.

Tóm tắt: Tư tưởng biện chứng trong triết học Đạo gia thời kỳ Tiên Tần đã để lại những di sản quý báu và góp phần làm phong phú thêm lịch sử phát triển nhận thức của nhân loại nói chung và Trung Quốc nói riêng. Mặc dù tư tưởng biện chứng của Đạo gia còn mang tính thô sơ và bị chi phối bởi lập trường giai cấp nhưng nếu biết bỏ qua những hạn chế và chắt lọc những giá trị thì sẽ thấy được những hạt nhân hợp lý của nó.

Từ khóa: Đạo gia, thời kỳ Tiên Tần, triết học, tư tưởng biện chứng.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: The dialectical thought in Taoist philosophy of the pre-Qin period has left valuable legacies and contributed to enriching the development history of cognition of humanity in general and China in particular. Though the thought is still rudimentary and dominated by class position, if taking the limitations out of and refining it to find the values, one can find its reasonable core elements.

Keywords: Taoism, pre-Qin period, philosophy, dialectical thought.

Subject classification: Philosophy

1. Dẫn nhập

Để tìm kiếm giải pháp hữu ích, nhằm giải quyết các mâu thuẫn xã hội thời kỳ Tiên Tần, hầu hết các trường phái triết học cổ gắng cải tạo xã hội bằng cách tác động trực tiếp vào các tầng lớp cai trị trong xã hội.

Trong sự tranh luận hết sức sôi nổi về phương pháp giải quyết mâu thuẫn xã hội của các trường phái lúc bấy giờ thì Đạo gia lại chủ trương lựa chọn cách ẩn mình. Các nhà tư tưởng Đạo gia chủ trương xây dựng một hệ thống triết học mà thông qua đó họ biểu đạt những tư tưởng của mình nhằm

tác động tích cực đến quan niệm và lối sống của xã hội.

Đạo gia là trường phái triết học xuất hiện vào thời kỳ Tiên Tần, với ba đại diện tiêu biểu bao gồm: Dương Tử (395-335 TCN), Lão Tử (khoảng thế kỷ VI-V TCN), Trang Tử (khoảng 369-286 TCN). Nếu như các trường phái triết học thời kỳ này thường tập trung nghiên cứu mối quan hệ xã hội mà ít quan tâm đến tự nhiên thì Đạo gia lại tập trung nghiên cứu mối quan hệ trong tự nhiên một cách nghiêm túc. Đây là một đặc điểm hết sức đặc sắc của tư tưởng biện chứng trong triết học của Đạo gia. Đạo gia là tên gọi khái quát cao nhất của triết học đạo gia. Thời Tiên Tần, Đạo gia ra đời đại diện cho giai cấp chủ nô đã suy tàn nên họ chủ trương xuất thế một cách tiêu cực. Học phái này chủ trương thanh tĩnh “vô vi”, sống hài hòa với tự nhiên. Tư tưởng biện chứng trong triết học của Đạo gia được thể hiện ở danh từ “Đạo”. Đạo gia, xem “Đạo” là bản nguyên của thế giới, là nguồn gốc sinh ra vạn vật, là quy luật phát triển biến hóa của sự vật, là phương hướng phát triển của sự vật theo hình thức tuần hoàn hay còn gọi là luật phản phục, nó tồn tại trước tự nhiên và ngoài tự nhiên. Bài viết này bàn về tư tưởng biện chứng trong triết học Đạo gia thời kỳ Tiên Tần.

2. Tư tưởng về bản nguyên của thế giới

Trên quan điểm “Đạo” là bản nguyên của thế giới, các nhà tư tưởng Đạo gia cho rằng, “có một vật hỗn độn mà thành trước cả trời đất. Nó yên lặng trống không, đứng một mình mà không thay đổi, vận hành khắp vũ trụ mà không ngừng, có thể coi nó là mẹ của

vạn vật trong thiên hạ” [4, tr.202]. Với quan điểm này, Đạo gia đã đóng góp vào tư tưởng biện chứng cổ đại khi giải thích về bản nguyên của thế giới. Đạo gia cho rằng, vạn vật tồn tại trong thế giới luôn thống nhất và vận động không ngừng. Các sự vật không chỉ tồn tại thống nhất với nhau mà còn đấu tranh với nhau theo một vòng tròn khép kín. Lão Tử đã xây dựng một hệ thống triết học hoàn chỉnh, khi cho rằng “Đạo” là bản nguyên, nguồn gốc và là quá trình hình thành vạn vật trong tự nhiên. Theo Lão Tử, khi trời đất còn là cõi hỗn mang, “Đạo” chính là bản nguyên của thế giới, là một cái gì đó hỗn độn, mông lung, không sinh, không diệt, không tăng, không giảm, không hình thể, thuần khiết trong trạng thái lơ mờ, thấp thoáng, “duy hoảng duy hốt”; là một thể thống nhất, hòa hợp, không thể phân chia thành sáng và tối, nóng và lạnh, âm và dương, hữu và vô, đực và cái... nó phân bố khắp nơi, lưu hành khắp chốn không môi, ngưng tụ lại thành trời và đất; sáng tối; trời đất, âm dương giao cảm sinh thành vạn vật, sự sống và con người. Và rằng: “Đạo sinh ra một, một sinh hai, hai sinh ra ba, ba sinh ra vạn vật. Vạn vật đều công âm mà ôm dương, điều hòa bằng khí trùng hư” [4, tr.228]. Bảo vệ quan điểm về Đạo của Lão Tử, đồng thời chống lại quan điểm hữu vi của học phái Nho gia, Trang Tử cho rằng “Đạo không thể nghe được; cái gì nghe được không phải là Đạo. Đạo không thể thấy được; cái gì thấy được thì không phải là Đạo. Đạo không thể đem ra giảng được, cái gì giảng được thì không phải là Đạo. Ai biết được rằng cái gì sinh ra hình thể thì không có hình thể. Đạo không thể dùng tên mà gọi được” [5, tr.404]. Không chỉ xem “Đạo” là bản nguyên, tính thống nhất của vạn vật

trong thế giới, mà Đạo gia còn đứng trên lập trường duy vật khi cho rằng thế giới không phải do một ai sáng tạo ra mà nó xuất phát từ tự nhiên - “Đạo” của chính nó. Đạo gia xem “Đạo” là bản nguyên của thế giới và là nguồn gốc của mọi sự vật, hiện tượng. Dương Chu cho rằng, lẽ tự nhiên chi phối mọi sự vật hiện tượng. Dương Chu đã đứng trên lập trường chủ nghĩa duy vật ngây thơ, chất phác. Ông kịch liệt phê phán quan niệm duy tâm về sự bất tử. Ông cho rằng, trời không giúp được ai mà “đời sống tự sinh tự chết, thân thể tự khỏe mạnh, tự bạc nhược” [3, tr.226]. Mọi sự vật, hiện tượng trên thế giới sinh ra đều theo bản tính tự nhiên và nó tồn tại, phát triển và diệt vong theo bản tính tự nhiên ấy.

Đạo tồn tại khách quan, độc lập với ý thức của con người, “Đạo lớn lan tràn khắp có thể qua bên trái, qua bên phải. Vạn vật nhờ nó mà sinh trưởng mà nó không can thiệp vào” [4, tr.216]. Tính khách quan của “Đạo” chứa đựng cả cái tồn tại và cái không tồn tại, cái vận động và cái đứng im, cái tương đối và cái tuyệt đối. Nó mang tính tự nhiên nhưng nó không phải là một dạng tồn tại có định tính, định lượng mà là một trạng thái vĩnh cửu, chứa đựng trong đó tất cả. Nếu như Nho gia xem trời là cái sinh ra các sự vật, hiện tượng thì ngược lại Đạo gia lại xem “Đạo” là nguồn gốc sinh ra trời. “Trời được đạo mà trong, đất được đạo mà yên, thần được đạo mà linh, khe ngòi được đạo mà đầy, vạn vật được đạo mà sinh, vua chúa được đạo mà làm chuẩn tắc cho thiên hạ” [4, tr.224]. Trang Tử cũng khẳng định “Đạo sinh ra vạn vật, cho vạn vật biến hóa hoài, để cuối cùng lại quy căn, hợp nhất với Đạo” [5, tr.129]. Đạo là cái căn bản, vốn có tồn tại trước mọi vật, mọi sự vật có quá trình sinh ra,

trưởng thành và chuyển hóa thành cái khác mà không phụ thuộc vào ý muốn của bất kỳ ai. Như vậy “Đạo” không phải là một cái gì đó huyền bí, mà có nguồn gốc có tính vật chất, là bản nguyên của vũ trụ. Nó biểu hiện ra thành giới tự nhiên với vô vàn sự vật, hiện tượng, quá trình khác nhau, chúng tác động lẫn nhau, tạo nên những quy luật khách quan. Đây là quan điểm tiến bộ so với những quan điểm duy tâm, thần bí đương thời khi giải thích về nguồn gốc và sự tồn tại của vạn vật trong vũ trụ từ một sức mạnh, ý chí của một lực lượng siêu nhiên nào đó. Sự lý giải về “Đạo” tồn tại một cách khách quan của Đạo gia có những điểm tương đồng với Heraclitus ở Hy Lạp cổ đại. Với việc khẳng định bản nguyên của thế giới là lửa, Heraclitus cũng cho rằng mọi quá trình diễn ra trong vũ trụ đều là quá trình tự nó, không chịu sự tác động nào bên ngoài. Vận động là năng lực nội tại, vốn có của mọi sự vật, hiện tượng trong vũ trụ. Nếu Logos² được xem là động lực quy định tính vận động, biến đổi trong triết học Heraclitus thì trong triết học Đạo gia chính là “Đạo”. Các nhà tư tưởng Đạo gia xem thế giới như một bức tranh chẳng chệch các mối liên hệ và những sự tác động qua lại. Trong bức tranh đó mọi thứ đều vận động, biến đổi, phát sinh và triệt tiêu.

3. Tư tưởng về sự vận động

Đạo gia khẳng định, thế giới luôn vận động không ngừng theo một vòng tròn khép kín và “Đạo” là trung tâm của vòng tròn đó. Quá trình vận động, biến đổi của mọi sự vật, hiện tượng chỉ mang tính tương đối, trong một không gian và thời gian nhất định, cuối cùng sẽ biến mất. Các nhà tư tưởng Đạo gia xem

mặt đối lập là nguồn gốc của sự vận động của mọi sự vật. Tuy nhiên, họ cũng xem sự vận động đến một lúc nào đó thì sự vật sẽ đứng im và sự đứng im này chỉ mang tính tương đối, tạm thời cho một chu kỳ vận động tiếp theo. Nếu Lão Tử xem xét những mặt đối lập, những thuộc tính biểu hiện của “Đạo”, “một âm một dương là Đạo”, “rắn nát, nhọn nhụt” thì Trang Tử hòa nhập tất cả trong sự biến hóa khôn lường. Trạng thái vận động biến đổi của “Đạo” trong học thuyết của Trang Tử được khẳng định một cách triệt để khi ông cho rằng: “Vật nào cũng là chính nó mà đồng thời cũng là vật khác” [5, tr.91]. Ông là người đã phát triển tính vận động, biến đổi của phạm trù “Đạo” một cách tích cực cho trường phái Đạo gia. Dương Chu thì cho rằng, vạn vật sinh ra từ tự nhiên, thuận theo lẽ tự nhiên để tồn tại. Trong quá trình tồn tại ấy, mỗi vật đều chứa trong mình sự tốt xấu, đúng sai. Các tính chất này luôn chuyển hóa cho nhau theo một vòng tròn định sẵn.

Đạo gia, không chỉ xem xét thể giới trong trạng thái vận động, biến đổi không ngừng, mà còn cố gắng làm rõ những quy luật vận hành của nó. Các nhà tư tưởng Đạo gia cho rằng, mọi sự vật hiện tượng đều có quá trình vận động trở về với cái căn bản vốn có của nó. Con người sinh ra và mất đi thì sẽ biến thành một vật khác nhưng dù biến thành vật gì rồi cũng quay về với “Đạo”. Sự biến hóa ấy không theo một trình tự nào cả mà chịu sự tác động của luật quân bình và luật phản phục. “Luật quân bình là quy luật luôn giữ cho vạn vật được thăng bằng không để cái gì thái quá, thiên lệch hay bất cập” [1, tr.322-323]. Việc nhìn thấy các mặt đối lập như khuyết và tròn, cong và thẳng, voi và đày, cũ và mới... thì dễ dàng.

Song để nhìn thấy được quy luật chi phối chúng là điều ít ai hiểu. Nước được Đạo gia xem như biểu tượng mang tính hình ảnh của luật quân bình. Nước thì không hình, không dạng, gặp chỗ trống thì chảy vào, chỗ đầy, dư thì chảy ra, lánh cao mà tìm thấp. Nó chảy mãi không ngừng, lên cao thì thành mưa thấm nhuần vạn vật, xuống dưới thì thành sông lạch, nuôi sống muôn loài. Vì luật quân bình chi phối vạn vật, do đó, nếu mọi vật lệch ra khỏi quy luật đó thì tự khắc quay lại thể ban đầu. Nếu vạn vật không tuân theo luật quân bình thì sẽ phá vỡ trạng thái cân bằng vốn có của nó. Luật bình quân không chỉ chi phối tự nhiên mà nó còn chi phối cả xã hội. Trước thực trạng xã hội loạn lạc, luân lý đạo đức suy đồi, Đạo gia cho rằng, nguyên nhân là do các nhà cai trị đặt ra quá nhiều lệnh cấm và lễ nghi không phù hợp với đạo của tự nhiên. Những lệnh cấm và lễ nghi đó đã làm cho tầng lớp cai trị ngày càng giàu lên, trong lúc đó người dân khắp nơi đang sống trong cảnh khốn cùng. Một số chư hầu thì ra sức bành trướng để phát triển lãnh địa của mình, bên cạnh số chư hầu khác lại bạc nhược về kinh tế. Thực trạng đó đã làm cho các cuộc chiến tranh xảy ra để cân bằng xã hội. Tuy nhiên, các cuộc chiến tranh cũng chỉ là một cơn biến động trong sự vận động không ngừng của lịch sử. Sự biến động đó không phải diễn ra mãi mãi và dù có khốc liệt như thế nào đi nữa thì nó cũng sẽ trở lại thể cân bằng vốn có của nó. Vì, “gió lốc không hết buổi sáng, mưa rào không suốt cả ngày” [4, tr.199]. Như vậy, luật quân bình là cách để lý giải những việc thái quá trong xã hội trái với lẽ quân bình của tự nhiên. Đạo gia cho rằng, trong quá trình biến đổi của vạn vật, tất yếu sẽ trở về với “Đạo”, trở về với cái tĩnh lặng tạm thời theo luật phản phục.

Phản phục có nghĩa là vạn vật biến hóa trao đổi cho nhau theo một vòng tuần hoàn đều đặn, kế tiếp, nhịp nhàng như quy luật ngày đêm của trời đất. Các sự vật, hiện tượng cứ thấp thoáng, lúc sinh, lúc diệt, lúc đầy, lúc vơi dưới sự tác động của luật phản phục. Và cứ âm thịnh thì dương suy, dương thịnh thì âm suy. Như vậy, luật phản phục được hiểu là: vạn vật biến hóa trao đổi cho nhau theo một vòng tuần hoàn đều đặn, kế tiếp, nhịp nhàng bất tận như bốn mùa xuân, hạ, thu, đông thay đổi qua lại. Quy luật này bất biến, tồn tại trong bản thân toàn bộ tự nhiên, xã hội và chi phối chúng. Theo đó, phản là trở về, quay ngược lại hướng đi ban đầu, phản cũng có nghĩa là trở sang mặt trái của sự vật. Phục là trở lại, lấy lại cái đã mất. Theo luật phản phục, cái gì phát triển đến tột đỉnh thì đều trở lại với cái đối lập với chính nó; sự vật phát triển đến cực điểm các tính chất của nó thì có xu hướng đi ngược lại để trở thành tính chất tương phản. Và phản phục là sự vận động trở về với “Đạo” của vạn vật: “Vạn vật phồn thịnh đều trở về căn nguyên của chúng (tức “Đạo”). Trở về căn nguyên thì tĩnh, trở về căn nguyên gọi là trở về mệnh” [4, tr.188]. Trong quá trình vận động, biến đổi, khuynh hướng tất yếu của vạn vật là trở về trong “Đạo”, trở về với tĩnh lặng, hư không, đó là luật phản phục. Sự trở về ở đây được hiểu như sự vật có quá trình sinh ra, phát triển và quay về. Như vậy, khi sự vật phát triển đến cực thịnh cũng là lúc sự vật bắt đầu suy, cái quan trọng nhất lúc này là làm cho sự vật ở trạng thái quân bình. Trở lại với “Đạo” là trở lại đạo tự nhiên, vô vi, trở về với gốc rễ, cuội nguồn với mình, bên bờ, trường tồn và cũng chính là trở về với bản tính tự nhiên của mình, không thái quá, không bất cập. Trang Tử thì hình dung quy luật phản phục

như một vòng tròn khép kín. Đó là quá trình mà vạn vật vận động từ thấp đến cao, đạt cực thịnh rồi lại vận động trở lại, quá trình đó liên tục tiếp diễn như một vòng tròn khép kín mà không rõ đâu là điểm bắt đầu và kết thúc. Vạn vật cũng do “Đạo” sinh ra, rồi biến đổi hình trạng mà thành một loại khác, trước sau nối nhau như một vòng tròn, không biết đâu là đầu mối. Như vậy, gọi là vòng vận động của vật. Các nhà tư tưởng học phái Đạo gia đã làm rõ quy luật của vạn vật không phải từ một thế lực nào đó, mà nó có nguồn gốc từ chính thuộc tính bên trong, vốn có của sự vật. Với việc xem xét vũ trụ vận động, chuyển hóa theo quy luật phản phục, học phái Đạo gia cho rằng, vũ trụ vận động đến đỉnh điểm của một trạng thái nào đó thì quay trở lại, tức là vận động sang một trạng thái trái ngược, ngược lại trạng thái trước đó: như mặt trời lặn lúc hoàng hôn ngược lại với mặt trời mọc lúc bình minh, trăng khuyết ngược lại với trăng tròn, đêm ngược với ngày, thủy triều dâng cao ngược với thủy triều ròng... Đó cũng chính là cách mà các nhà Đạo gia xem xét mối liên hệ, chuyển hóa trong sự thống nhất biện chứng giữa các mặt đối lập.

Tuy nhiên, sự vận động, chuyển hóa trong tư tưởng biện chứng chất phác của Lão Tử chỉ là sự lặp đi, lặp lại có tính tuần hoàn theo quy luật phản phục mà không nhìn thấy sự thay đổi về chất của sự vật dẫn đến sự xuất hiện của cái mới từ quá trình vận động, chuyển hóa đó. Do vậy, tư tưởng về vận động, phát triển theo luật phản phục chỉ là sự vận động lặp đi lặp lại theo một vòng tròn khép kín một cách đơn thuần. Quan điểm này cũng được Trang Tử sử dụng khi ông cho rằng, vạn vật trong vũ trụ có tính nối tiếp nhau theo một vòng tròn

nhưng không biết đâu là điểm khởi đầu và điểm kết thúc, ông gọi đó là “Thiên quân”.

4. Tư tưởng về sự thống nhất và đấu tranh của các sự vật

Cùng với những quan niệm về tính thống nhất của vạn vật trong vũ trụ và sự vận động biến đổi của thế giới, các nhà tư tưởng Đạo gia nhìn thấy mâu thuẫn trong bản thân của mỗi sự vật, hiện tượng. Họ cho rằng, mỗi sự vật đều chứa đựng các mặt đối lập, vừa tương hòa, vừa xung khắc, vừa đối lập, vừa liên hệ, ràng buộc, bao hàm lẫn nhau và không thể thiếu một trong hai mặt đó. Quan điểm này được thể hiện rõ nét trong quan điểm về âm dương. Hai cực âm dương là hai mặt đối lập tồn tại trong bản thân của mỗi sự vật, hiện tượng. Do vậy, quan niệm về mâu thuẫn trong học thuyết của Đạo gia không chỉ mang tính khách quan mà nó còn mang tính phổ biến, nó tồn tại trong vạn vật. Không dừng lại ở việc nhìn thấy mâu thuẫn trong bản thân sự vật, hiện tượng, Đạo gia còn làm rõ bản chất thực sự của mọi mâu thuẫn. Đó là, mối quan hệ biện chứng giữa động và tĩnh, giữa thống nhất và đấu tranh giữa các mặt. Họ cho rằng: “Vạn vật trong thiên hạ từ “có” mà sinh ra; “có” lại từ “không” mà sinh ra” [4, tr.225]. Hữu và vô sinh ra vạn vật nhưng lại không chiếm lấy bất cứ vật nào, nhưng không vật nào không có nó. Đó là quan niệm về sự tương phản vốn có trong sự vật mà nguyên lý chung nhất là sự đối lập và thống nhất giữa “hữu” và “vô”. Theo Lão Tử, không có cái gì tồn tại một cách thuần túy, tách rời cái đối lập với nó; trong mặt đối lập này đã chứa đựng mầm mống của mặt đối lập kia và ngược lại. Vì thế, “hữu” và “vô” là cùng

một gốc, đó là “Đạo”. Những mặt đối lập trong các sự vật, hiện tượng đó không chỉ tương hòa, xung khắc nhau trong sự thống nhất mà chúng còn chuyển hóa lẫn nhau. Sự chuyển hóa giữa các mặt đối lập là quá trình mà sự vật, hiện tượng phát triển đến cực điểm, chúng sẽ chuyển thành mặt đối lập với chính nó. Vì thế mà gió không thổi mãi, mưa không hoài, họa là điểm tựa của phúc, phúc là điểm ẩn mình của họa. Trong xã hội, cứ cái gì thịnh quá sẽ chuyển sang suy, trăng tròn rồi lại khuyết, người mạnh sẽ trở nên yếu.

Các nhà tư tưởng học phái Đạo gia tuy nhìn thấy được mặt đối lập trong sự vật, chúng tồn tại trong sự thống nhất, sự vận động và chuyển hóa, nhưng họ không nhìn thấy được sự phủ định giữa các mặt đối lập để xuất hiện cái mới. Theo Đạo gia, những mặt đối lập chuyển hóa lẫn nhau để quay trở lại mặt đối lập theo tính tự nhiên, khách quan. Do vậy, học phái này chủ trương lấy cái tĩnh, cái vô vi, cái điều hòa để giải quyết mâu thuẫn. Và chính việc xem xét sự vận động, chuyển hóa của các mặt đối lập theo hai quy luật quân bình và phản phục đã làm tư tưởng biện chứng của Đạo gia mất sinh khí và mang tính máy móc. Những quan niệm không triệt để đó trong tư tưởng biện chứng của học phái Đạo gia đã bộc lộ những hạn chế khi áp dụng vào thực tiễn xã hội thời kỳ Xuân thu - Chiến quốc. Học phái Đạo gia chủ trương: “Muốn cho vật gì thu rút lại thì tất hãy mở rộng nó ra đã. Muốn cho ai yếu đi thì tất hãy làm cho họ mạnh lên đã. Muốn phế bỏ ai thì tất hãy đề cử họ lên đã. Muốn cướp lấy vật gì thì tất hãy cho đã. (Hiếu) như vậy là sâu kín mà sáng suốt. Vì nhu nhược thắng được cương cường” [4, tr.218]. Việc không nhìn rõ mâu thuẫn một cách triệt để đã làm cho các nhà tư tưởng Đạo gia rơi vào

bế tắc trong việc giải quyết các mâu thuẫn trong xã hội Trung Quốc thời kỳ Xuân thu - Chiến quốc.

Tư tưởng biện chứng của trường phái Đạo gia tuy còn ở trình độ chất phác, mang tính trực quan cảm tính, song học phái này đã trình bày nhiều tư tưởng hết sức cô đọng, sâu sắc về tính thống nhất của thế giới, về vận động, về quy luật, về mâu thuẫn. Là những ẩn sĩ, nhưng những tư tưởng của các nhà Đạo gia không phải vì thế mà huyền bí, mà nó được truyền bá rộng rãi và ảnh hưởng đến tư duy nhận thức biện chứng không chỉ ở Trung Quốc cổ đại mà đến cả hiện đại. Tuy vậy, các nhà Đạo gia không nhìn thấy thực chất hạt nhân của phép biện chứng là sự đấu tranh của các mặt đối lập, bỏ qua sự thủ tiêu của các mặt đối lập để xuất hiện cái mới, từ đó họ chủ trương bỏ qua sự phát triển của sự vật.

5. Kết luận

Cùng với sự phát triển rực rỡ của triết học Trung Quốc thời kỳ Xuân thu - Chiến quốc, những tư tưởng biện chứng trong triết học thời kỳ này cũng phát triển và để lại những nội dung vô cùng đa dạng và độc đáo. Đạo gia là một học phái triết học đại diện cho giai cấp chủ nô đã suy tàn, với những nhà tư tưởng chủ yếu là Lão Tử, Dương Tử và Trang Tử. Với quan điểm “Đạo” là bản bản thể của vũ trụ, là căn nguyên của trời đất, Đạo gia đã lý giải về quá trình vận động của các sự vật, hiện tượng. Quan điểm biện chứng trong triết học Đạo gia còn tự phát, thô sơ nhưng đã để lại những giá trị cho tư tưởng biện chứng ở lĩnh vực tự nhiên và xã hội. Đó là những tư tưởng về tính thống

nhất của vạn vật, về các mặt đối lập, về sự vận động, biến đổi không ngừng của thế giới theo quy luật quân bình và phản phục. Mặc dù còn mang nhiều hạn chế bởi sự quy định của lập trường giai cấp và điều kiện lịch sử nhưng những tư tưởng biện chứng trong triết học Đạo gia, với tư cách là giai đoạn đầu tiên trong lịch sử nhận thức biện chứng đã để lại những giá trị to lớn, góp phần làm phong phú hơn lịch sử phát triển phép biện chứng.

Chú thích

² Trong tiếng Hy Lạp cổ, Logos có nghĩa là từ ngữ, là tư tưởng. Vào thời đại của Heraclitus, người Hy Lạp cổ đại đã đạt đến một trình độ thống nhất khá cao giữa ngôn ngữ và tư duy, họ biểu thị từ ngữ và tư tưởng cùng bằng một thuật ngữ - Logos. Với nghĩa là từ ngữ, Logos thể hiện ra là tư tưởng và với nghĩa là tư tưởng, Logos được thể hiện trong từ ngữ, thông qua từ ngữ. Với người Hy Lạp cổ đại, Logos được hiểu theo nghĩa nào là tùy thuộc vào văn cảnh ngôn ngữ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Doãn Chính (2009), *Từ điển triết học Trung Quốc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Võ Văn Dũng (2020), *Học thuyết âm dương và ý nghĩa của nó đối với y học hiện nay*, Nxb Đại học Huế, Tp. Huế.
- [3] Nguyễn Hiến Lê (2002), *Liệt Tử - Dương Tử*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội,
- [4] Lão Tử (1998), *Đạo đức kinh*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
- [5] Trang Tử (2008), *Nam Hoa kinh*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

